Chi tiết mã HS 7007.11.10

Mã HS	7007.11.10
Mô tả hàng hóa	Kính an toàn, bao gồm kính tôi hoặc kính dán nhiều lớp (laminated glass) / - Kính tôi an toàn: / - - Có kích cỡ và hình dạng phù hợp với từng loại xe, phương tiện bay, tàu vũ trụ hoặc tàu thuyền: / - - - Phù hợp dùng cho xe thuộc Chương 87
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 19:12:43
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/70071110/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10486
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10486
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10486
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	1,8	1,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	1,8	1,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục F)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AJCEP	30	30%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	50	50%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		50	AC!E9966
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9917
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9917
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9917
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9917
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9917
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9917
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	30	AJ!E9969
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	30	AJ!F9969
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	30	AJ!G9969

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	30	AJ!H9969
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	30	AJ!I9969
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	30	AJ!J9969
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9970
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9970
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9970
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9970
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9970
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9970
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F9971
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9923
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F9929
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G9929
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H9929
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I9929
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J9929
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K9929
VKFTA	2022	2022	3	VK!E9954
VKFTA	2023	2023	1,5	VK!F9954
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9954
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9954
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9954
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9954
VCFTA	2022	2022	12	VC!D10001
VCFTA	2023	2023	11	VC!E10001
VCFTA	2024	2024	9	VC!F10001

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	7	VC!G10001
VCFTA	2026	2026	5	VC!H10001
VCFTA	2027	2027	4	VC!I10001
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9992
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9992
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9992
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9992
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9992
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9992
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D9992
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E9992
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F9992
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G9992
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H9992
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I9992
EVFTA	2022	2022	9,3	EV-NK!D10003
EVFTA	2023	2023	7,5	EV-NK!E10003
EVFTA	2024	2024	5,6	EV-NK!F10003
EVFTA	2025	2025	3,7	EV-NK!G10003
EVFTA	2026	2026	1,8	EV-NK!H10003
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10003
UKVFTA	2022	2022	9,3	UKV!D10002
UKVFTA	2023	2023	7,5	UKV!E10002
UKVFTA	2024	2024	5,6	UKV!F10002
UKVFTA	2025	2025	3,7	UKV!G10002
UKVFTA	2026	2026	1,8	UKV!H10002

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10002
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9949
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9949
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9949
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9949
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9949
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9949
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9949
RCEP A	2022	2022	20	RCEPT-A!D9986
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E9986
RCEP A	2024	2024	20	RCEPT-A!F9986
RCEP A	2025	2025	20	RCEPT-A!G9986
RCEP A	2026	2026	20	RCEPT-A!H9986
RCEP A	2027	2027	20	RCEPT-A!I9986
RCEP B	2022	2022	20	B!D9986
RCEP B	2023	2023	20	B!E9986
RCEP B	2024	2024	20	B!F9986
RCEP B	2025	2025	20	B!G9986
RCEP B	2026	2026	20	B!H9986
RCEP B	2027	2027	20	B!I9986
RCEP C	2022	2022	20	C!D9986
RCEP C	2023	2023	20	C!E9986
RCEP C	2024	2024	20	C!F9986
RCEP C	2025	2025	20	C!G9986
RCEP C	2026	2026	20	C!H9986
RCEP C	2027	2027	20	C!I9986

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	20	D!D9985
RCEP D	2023	2023	20	D!E9985
RCEP D	2024	2024	20	D!F9985
RCEP D	2025	2025	20	D!G9985
RCEP D	2026	2026	20	D!H9985
RCEP D	2027	2027	20	D!I9985
RCEP E	2022	2022	20	E!D9989
RCEP E	2023	2023	20	E!E9989
RCEP E	2024	2024	20	E!F9989
RCEP E	2025	2025	20	E!G9989
RCEP E	2026	2026	20	E!H9989
RCEP E	2027	2027	20	E!I9989
RCEP F	2022	2022	20	F!D9986
RCEP F	2023	2023	20	F!E9986
RCEP F	2024	2024	20	F!F9986
RCEP F	2025	2025	20	F!G9986
RCEP F	2026	2026	20	F!H9986
RCEP F	2027	2027	20	F!I9986
VIFTA	2024	2024	20	VI!F9233
VIFTA	2025	2025	20	VI!G9233
VIFTA	2026	2026	20	VI!H9233
VIFTA	2027	2027	20	VI!I9233

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 20%, RCEP (Phụ lục B) 20%, RCEP (Phụ lục C) 20%, RCEP (Phụ lục D) 20%, RCEP (Phụ lục E) 20%, RCEP (Phụ lục F) 20%, VIFTA 20%, AJCEP 30%, ACFTA 50%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7007.11 có 3 dòng thuế; dòng 7007.11.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Phù hợp dùng cho xe thuộc Chương 87.	7007.11.20 Phù hợp dùng cho phương tiện bay hoặc tàu vũ trụ thuộc Chương 88; 7007.11.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 7007.11.10 có mã Chương 98 tương ứng 9849.16.10 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- - - - Phù hợp dùng cho xe thuộc Chương 87	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7007.11.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 7007.11.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10486), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.